

CHƯƠNG II: BẢO HIỂM HÀNG HOÁ XUẤT NHẬP KHẨU CHUYÊN CHỜ BẢNG Đ-ỜNG BIỂN

I. Khái quát về bảo hiểm hàng hải

II. Bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu chuyên chờ
bảng đ-ờng biển

I. KHÁI QUÁT VỀ BẢO HIỂM HÀNG HẢI

1. Khái niệm về BH hàng hải
2. Rủi ro trong bảo hiểm hàng hải
 - 2.1. Căn cứ vào nguyên nhân sinh ra rủi ro
 - 2.2. Căn cứ vào nghiệp vụ bảo hiểm
3. Tổn thất trong bảo hiểm hàng hải
 - 3.1. Khái niệm
 - 3.2. Phân loại

1. Khái niệm về bảo hiểm hàng hải

- KN: là loại hình BH cho những rủi ro trên biển và những rủi ro trên bộ, trên sông liên quan đến hành trình vận chuyển bằng đ-ờng biển gây ra tổn thất cho ĐTBH chuyên chở trên biển.
- 3 loại hình BHHH cơ bản, truyền thống:
 - + BH hàng hóa (Cargo Insurance)
 - + BH thân tàu (Hull Insurance)
 - + BH TNDS của chủ tàu (P&I Insurance)

2. Rủi ro trong bảo hiểm hàng hải

2.1. Căn cứ vào nguyên nhân sinh ra rủi ro

- a. Thiên tai (Acts of God)
- b. Tai nạn của biển (Perils of the sea/ Accident of the sea)
- c. Rủi ro do các hiện tượng chính trị xã hội
- d. Rủi ro do các hành động riêng lẻ của con người
 - do lỗi của bản thân người được bảo hiểm
 - do hành vi ác ý của người khác
- e. Rủi ro do các nguyên nhân khác

2. *Rủi ro trong bảo hiểm hàng hải*

2.2. Căn cứ vào nghiệp vụ bảo hiểm

- a. Nhóm rủi ro thông thường được bảo hiểm
- b. Nhóm rủi ro phải bảo hiểm riêng
- c. Nhóm rủi ro loại trừ

a. Nhóm rủi ro thông thường được bảo hiểm

- Là các rủi ro được bảo hiểm một cách bình thường theo các ĐKBH gốc
- Hai loại:
 - + Rủi ro chính
 - + Rủi ro phụ

Rủi ro chính

- + là các hiểm họa chủ yếu của biển, th- ờng xuyên xảy ra và gây tổn thất lớn
- + đ- ợc bảo hiểm trong.....
- + bao gồm các rủi ro sau:
 - 1/ Mắc cạn
 - 2/ Chìm đắm
 - 3/ Cháy nổ
 - 4/ Đâm va
 - 5/ Mất tích
 - 6/ Vứt khỏi tàu

1/ MẮC CẠN (STRANDING)

Là hiện tượng đáy tàu chạm đáy biển hoặc nằm trên một chướng ngại vật làm cho tàu không chạy được, hành trình bị gián đoạn và phải nhờ tác động của ngoại lực để thoát nạn

→ Chỉ bồi thường mất nạn trong 2 trường hợp:

→ BT tổn thất được quy là hợp lý là do mất nạn gây ra

2/ CHÌM □□M (SINKING)

Là hiện t- ợng toàn bộ con tàu bị chìm hẳn xuống n- ớc, đáy tàu chạm đáy biển, tàu không chạy đ- ợc, hành trình bị huỷ bỏ hoàn toàn

-chìm đắm do thiên tai, tai nạn bất ngờ

-chìm đắm do chiến tranh hoặc vũ khí chiến tranh

3/ CHÁY NẮ (FIRE)

- Là hiện tượng oxy hóa hay vật thể khác trên tàu có tỏa nhiệt lượng cao
- Cháy thông thường: cháy do nguyên nhân khách quan
- Cháy nội tỳ: cháy do ĐTBH tự lên men, tỏa nhiệt và bốc cháy → do bản chất của ĐTBH

4/ □ÂM VA (COLLISION)

- Là hiện tượng phương tiện vận chuyển va chạm với bất kỳ vật thể cố định hay di động nào trên biển, ngoại trừ n-ớc

+ Tàu đâm va với tàu

+ Tàu đâm va vào vật thể khác ngoài tàu biển (cầu cảng, tảng đá ngầm, băng trôi, các công trình kiến trúc trên biển)

5/ MỘT TÀU (MISSING)

- Là hiện tượng tàu vận chuyển không đến cảng đích quy định và sau một thời gian hợp lý kể từ ngày chủ tàu không nhận được tin tức gì về con tàu đó.
- Thời gian hợp lý:
- + Pháp:
- + Anh:
- + Việt Nam:

6/ VẬT KHỎI TÀU (JETTISON)

- Là hành động vứt tải sản khỏi tàu với mục đích làm nhẹ tàu, làm cân đối tàu để cứu tàu , hàng khi có hiểm hoạ.
- TS vứt khỏi tàu:
 - + hàng hoá
 - + một bộ phận của tàu (vật phẩm hay các TTB trên tàu)
- Không BT nếu:

Rủi ro phụ

- Là những rủi ro ít xảy ra, thường phát sinh đối với hàng hoá và chỉ đ- ợc BH trong.....
- Có thể mua bảo hiểm rủi ro phụ kèm với.....
- Bao gồm các rủi ro sau:

1/ Hấp hơi	8/ Đổ vỡ
2/ Nóng	9/ Bẹp, cong, vênh
3/ Lây hại	10/ Va đập
4/ Lây bẩn	11/ N- ớc m- a
5/ Han gỉ	12/ Trộm cắp
6/ Móc cầu	13/ C- ớp biển
7/ Rách	14/ Hành vi ác ý
	15/ Giao thiếu hoặc không giao hàng

b. Nhóm rủi ro phải bảo hiểm riêng

- là các rủi ro bị loại trừ trong các ĐKBH gốc, nhưng có thể được BH nếu mua thêm các ĐKBH đặc biệt.
- Bao gồm 2 rủi ro sau:

c. Nhóm rủi ro loại trừ

- Là những rủi ro không đ- ợc ng- ời BH chấp nhận bảo đảm trong mọi tr- ờng hợp

1/ Lỗi cố ý của ng- ời đ- ợc BH

2/ Buôn lậu

3/ Nội tỳ

4/ Ôn tỳ

5/ Tàu không đủ khả năng đi biển

6/ Tàu đi chệch h- ớng không có lý do chính đáng

c. Nhóm rủi ro loại trừ

7/ Mất khả năng tự chủ về tài chính của chủ tàu

8/ Các thiệt hại tài chính do chậm trễ ngay cả khi chậm trễ là do rủi ro đ- ợc bảo hiểm gây ra

9/Bao bì không đầy đủ hoặc đóng gói không thích hợp

10/ Xếp hàng không đầy đủ hoặc sai quy cách

11/ Phóng xạ, nhiễm phóng xạ, phản ứng hạt nhân, năng l- ợng nguyên tử

3. Tổn thất trong bảo hiểm hàng hải

3.1. *Khái niệm*

- Tổn thất là một thuật ngữ dùng để chỉ tình trạng mất mát, h- hại hay giảm giá trị, giá trị sử dụng của ĐTBH theo một HĐBH do sự tác động của rủi ro.
- Tổn thất là hậu quả của rủi ro
- Tổn thất là đại l- ượng đo l- ờng và phản ánh mức độ nghiêm trọng của rủi ro

3.2. *Phân loại*

- a. Căn cứ vào mức độ (quy mô) của tổn thất:
- Tổn thất bộ phận (Partial Loss)
 - Tổn thất toàn bộ (Total Loss)

TẮN THỐT BẰ PHẪN (PARTIAL LOSS)

- TTBP là sự mất mát, h- hỏng hay giảm giá trị một phần ĐTBH theo một HĐBH.
- Trách nhiệm của ng- ời BH:
 - $A = V \rightarrow$
 - $A < V \rightarrow$

TẮN THỐT TOÀN B□ (TOTAL LOSS)

- TTTB là sự mất mát, h- hỏng hay giảm giá trị hoàn toàn ĐTBH theo một HĐBH.
- TTTB gồm hai loại:
 - + TTTB thực tế (Actual Total Loss)
 - + TTTB - ớc tính (Constructive Total Loss)

TẤN THẤT TOÀN B□ TH□C T□

- Là tổn thất toàn bộ, thực tế đã xảy ra ở một trong các trường hợp sau:
 - + bị phá huỷ hoàn toàn
 - + bị hỏng nghiêm trọng dẫn đến không còn là vật phẩm với hình dạng và tính chất ban đầu
 - + người được BH bị tước quyền sở hữu với ĐTBH
- TN của người BH:

TẮN THỐT TOÀN B□ □□C T□NH

- ĐN: là tổn thất của ĐTBH ch- a ở mức hoàn toàn nh- ng xét thấy TTTBTT là không thể tránh khỏi hoặc có thể tránh đ- ợc nh- ng chi phí bỏ ra để cứu chữa, khôi phục và đ- a ĐTBH về đích lại bằng hoặc v- ợt quá trị giá của nó

→ Các tr- ờng hợp:

- + TTTB thực tế không tránh khỏi
- + TTTB xảy ra về mặt tài chính

- Xử lý:

Từ bỏ đối t- ợng bảo hiểm

- Là hành động của ng- ời đ- ợc bảo hiểm tự nguyện từ bỏ mọi quyền lợi của mình đối với ĐTBH cho ng- ời BH trong tr- ờng hợp tổn thất toàn bộ - ớc tính để đ- ợc bồi th- ờng toàn bộ
- Tác dụng:
 - + Ng- ời bảo hiểm:
 - + Ng- ời đ- ợc bảo hiểm:

Từ bỏ đối t- ợng bảo hiểm

- Nguyên tắc:
 - Việc từ bỏ phải đ- ợc làm bằng văn bản
- + Thông báo từ bỏ ĐTBH - NOA (Notice of Abandonment):
 - phải gửi trong ... ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện dẫn đến hành động TBĐTBH
- + Văn bản trả lời chấp nhận hay từ chối NOA
 - phải gửi trong.... ngày kể từ ngày nhận đ- ợc NOA
 - Khi từ bỏ đã đ- ợc chấp nhận thì không thay đổi đ- ợc nữa
 - TB phải vô điều kiện và hợp lý
 - + chỉ từ bỏ khi còn trong hành trình
 - + chỉ từ bỏ khi ch- a xảy ra TTTBTT

3.2. Phân loại

b. Căn cứ vào trách nhiệm của các quyền lợi có mặt trên tàu đối với TT (tính chất của TT)

→ Các quyền lợi cơ bản có mặt trên tàu:

- Tổn thất riêng (Particular Average) → TTR
- Tổn thất chung (General Average) → TTC

a. TẮN THỐT RIÊNG (PARTICULAR AVERAGE)

- ĐN: là TT chỉ gây thiệt hại cho riêng quyền lợi của một chủ sở hữu đối với tài sản bị TT chứ không liên quan đến các quyền lợi khác có mặt trong hành trình
- Nguyên nhân:
- Tính chất tổn thất:

TẮN THỐT RIÊNG (PARTICULAR AVERAGE)

- Địa điểm xảy ra:
 - Mức độ:
 - Giá trị tổn thất riêng: là giá trị của tài sản bị tổn thất riêng
 - Chi phí tổn thất riêng (chi phí riêng): chi phí cần thiết hợp lý nhằm mục đích giảm thiểu, hạn chế tổn thất.
- BH chỉ bồi th- ờng nếu

TẮN THỔT CHUNG (GENERAL AVERAGE)

- Định nghĩa – Nguyên tắc xác định
- Đặc tr- ng của TTC
- Nội dung của TTC
- Trách nhiệm của các bên khi xảy ra TTC
- Luật lệ giải quyết TTC
- Phân bổ TTC

Định nghĩa – Nguyên tắc xác định

- ĐN: TTC là những hi sinh hay chi phí đặc biệt đ- ợc tiến hành một cách hữu ý và hợp lý nhằm mục đích cứu tàu, hàng và c- ớc phí thoát khỏi một sự nguy hiểm chung, thực sự đối với chúng trong một hành trình chung trên biển.
- các quyền lợi có mặt trong hành trình:
- Nguyên tắc xác định:
 - TTC phải vì an toàn chung
 - Những chi phí phát sinh tuy không phải là cần thiết để tránh hiểm họa cho tàu và hàng nh- ng là hậu quả trực tiếp của hành động TTC và vì lợi ích chung nên cũng đ- ợc công nhận là TTC.

Đặc tr□ng của tổn thất chung

1/Phải có nguy cơ thực sự, đe dọa nghiêm trọng tới toàn bộ hành trình

2/Phải có hành động TTC

- Hành động TTC là hành động hoàn toàn tự nguyện và có dụng ý của ng- ời trên tàu nhằm mục đích cứu toàn bộ hành trình thoát khỏi hiểm hoạ.

3/Hi sinh và chi phí bỏ ra phải bất th- ờng và vì an toàn chung

Đặc trưng của tổn thất chung

4/Hi sinh và chi phí bỏ ra phải hợp lý

5/Tổn thất là hậu quả..... của hành động TTC

6/TTC chỉ xảy ra

Nội dung của tổn thất chung

1/Hi sinh tổn thất chung (HSTTC)

→ Là sự hi sinh một phần tài sản để cứu những tài sản còn lại trong hành động TTC

2/Chi phí tổn thất chung (CPTTC)

→ Là những chi phí phải trả cho ng- ời thứ ba trong việc cứu tàu, hàng và c- ớc phí thoát nạn hoặc những chi phí làm cho tàu tiếp tục hành trình

Chi phí tổn thất chung bao gồm:

- + chi phí làm nổi tàu khi mắc cạn
- + chi phí thuê lai dất kéo tàu
- + chi phí tại cảng lánh nạn
- chi phí ra vào cảng lánh nạn
- chi phí dịch chuyển, xếp dỡ hàng hoá, nhiên liệu, đồ dự trữ
- chi phí l- u kho, l- u bãi hàng hoá
- chi phí tăng thêm của nhiên liệu
- chi phí sửa chữa tạm thời, thay thế phụ tùng
- + tiền lãi của số tiền đ- ợc công nhận là tổn thất chung

Trách nhiệm của các bên khi xảy ra TTC

- Chủ tàu:
 - + tuyên bố TTC
 - + mời chuyên viên GĐTT
 - + mời chuyên viên phân bổ TTC
 - + lập kháng nghị hàng hải (nếu cần)
 - + gửi 2 VB cam đoan đóng góp TTC cho chủ hàng
- Bản cam đoan đóng góp TTC (Average Bond)

Trách nhiệm của các bên khi xảy ra TTC

→ Giấy cam đoan ĐGTTC (Average Guarantee):

→ Không có bảo lãnh:

- Chủ hàng:

+ kê khai bổ sung giá trị hàng hoá (nếu cần)

+ nhận 2 VBCĐĐGTTC từ thuyền tr- ởng

Luật lệ giải quyết TTC

- Quy tắc York 1864
- Quy tắc York – Antwerp 1924
 - + 1950, 1974, 1990, 1994, 2004
 - + ĐK giải thích
 - + ĐK tối cao
 - + ĐK ký hiệu mẫu tự
 - + ĐK ký hiệu số

Phân bổ tổn thất chung

- Là việc tính toán phân chia số tiền mà các quyền lợi đ- ợc cứu thoát có nghĩa vụ đóng góp vào TTC.
- B- ớc 1: xác định chỉ số phân bổ tổn thất chung (tỷ lệ đóng góp):

Phân bổ tổn thất chung

→ Xác định giá trị chịu phân bổ của tàu, hàng:

Phân bổ tổn thất chung

- B- ớc 2: xác định số tiền phải đóng góp vào TTC của từng quyền lợi (Contribution):
- B- ớc 3: xác định kết quả tài chính của từng quyền lợi:

II. BẢO HIỂM HÀNG HẢI XUẤT NHẬP KHẨU CHUYỂN CHARGES BẢNG BIÊN

1. Sự cần thiết của BHHXNKCCBĐB
2. Các điều kiện bảo hiểm
3. Phạm vi trách nhiệm của người bảo hiểm
4. Hợp đồng bảo hiểm
5. Giám định, khiếu nại và bồi thường tổn thất

1. Sự cần thiết của BH HHXNK chuyên chở bằng đường biển

1/ Vận tải DB chứa đựng nhiều rủi ro

2/ Vận tốc chậm, hành trình kéo dài, xác suất xảy ra rủi ro cao

3/ Khối lượng và trị giá HH chuyên chở bằng DB lớn

4/ Trách nhiệm của người chuyên chở DB theo các CƯQT còn rất hạn chế

5/ BH cho HHXNK chuyên chở bằng DB từ lâu đã trở thành một tập quán trong TMQT

2. Các điều kiện bảo hiểm

2.1. Các điều kiện bảo hiểm của Anh

- a. SG form 1779 (Đơn bảo hiểm dành cho tàu, hàng của Lloyd's năm 1779)
- b. ICC 1963 (Bộ các ĐKBH dành cho hàng hóa của ILU năm 1963)
- c. ICC 1982 (Bộ các ĐKBH dành cho hàng hóa của ILU năm 1982)
- d. ICC 2009 (Bộ các ĐKBH dành cho hàng hoá của ILU năm 2009)

a. SG form 1779

- Là mẫu đơn bảo hiểm do Lloyd's phát hành năm 1779 (The ship and good form of Marine Insurance Policy)
 - Dành cho cả tàu và hàng → bất cập
 - Sử dụng tiếng Anh cổ làm cho việc diễn đạt các rủi ro là không rõ ràng, dễ gây hiểu nhầm

b. ICC 1963

- ILU (Institute of London Underwriters)
- Gồm 5 ĐKBH chủ yếu:
 - 1/ FPA – Free of Particular Average
 - 2/ WA – With Average
 - 3/ AR – All Risks
 - 4/ WR – War Risk
 - 5/ SRCC – Strikes, Riots, Civil Commotion

b. ICC 1963

- Ưu điểm:
 - Chỉ dành cho hàng hoá
 - Có nhiều ĐKBH cho người tham gia BH lựa chọn
 - Có hai ĐKBH đặc biệt cho rủi ro CT, ĐC
- Nhược điểm:
 - Vẫn sử dụng tiếng Anh cổ
 - Việc gọi tên các ĐKBH theo nghĩa vụ chính là không hợp lý, dễ gây hiểu nhầm
 - Chưa đề cập đến RR có liên quan trong ĐKBH gốc
 - Bắt buộc sử dụng mẫu SG form

c. ICC 1982

- ICC 1963 → ICC 1982
- Gồm 5 ĐKBH chủ yếu:
 - 1/ C
 - 2/ B
 - 3/ A
 - 4/ WR
 - 5/ SRCC

2. Các điều kiện bảo hiểm

2.2. Các điều kiện bảo hiểm của Việt Nam

- QTC 1965:

- QTC 1990:

→ QTCB 1995, QTCB 1998, QTCB 2004

3. Phạm vi trách nhiệm của người BH – ICC 1982

3.1. TN của người BH theo A, B, C

- a. TN đối với rủi ro, tổn thất**
- b. Không gian và thời gian trách nhiệm**

3.2. TN của người BH theo ĐKBH WR, SRCC (SGK)

- a. ĐKBH chiến tranh – WR**
- b. ĐKBH đình công – SRCC**

3.1. TN của người BH theo A, B, C

- a. TN đối với rủi ro, tổn thất
- Rủi ro được bảo hiểm:
 - Rủi ro loại trừ:
 - Rủi ro loại trừ tương đối
 - Rủi ro loại trừ tuyệt đối

Rủi ro, tổn thất đ- ợc bảo hiểm (C)

- 1/ Mắc cạn, chìm đắm, cháy nổ, đâm va, lật úp
- 2/ Dỡ hàng tại cảng lánh nạn
- 3/ Ph- ơng tiện vận chuyển đ- ờng bộ bị lật đổ hoặc trật bánh
- 4/ Tàu và hàng mất tích
- 5/ Vứt hàng xuống biển
- 6/ Hi sinh tổn thất chung

Rủi ro, tổn thất đ- ợc bảo hiểm (C)

7/ Các chi phí hợp lý:

- Mức đ- ợc phân bổ cho CH
- Chi phí
- Chi phí
- Chi phí
- Chi phí
- Chi phí dỡ hàng, l- u kho bãi và tiếp gửi hàng tại cảng lánh nạn
- Phần TN mà chủ hàng phải chịu theo.....

***Phần trách nhiệm mà chủ hàng phải chịu
theo ĐK “Both – to – blame collision”***

Rủi ro, tổn thất đ- ợc bảo hiểm (B)

Điều kiện B =

- 8/ Động đất, núi lửa phun, sét đánh
- 9/ N- ớc cuốn khỏi tàu
- 10/ N- ớc biển, sông, hồ tràn vào hầm tàu, khoang chứa hàng, xà lan, container, ph- ơng tiện vận tải
- 11/ do rơi khỏi tàu hoặc bị rơi trong quá trình xếp dỡ xuống tàu hoặc xà lan

Rủi ro, tổn thất đ- ợc bảo hiểm (A)

- Bồi th- ờng mọi mất mát, h- hỏng của ĐTBH trừ
.....

→ Liệt kê cụ thể các rủi ro loại trừ:

- *Rủi ro loại trừ t- ơng đối*: phải bảo hiểm riêng theo các ĐKBH đặc biệt:

1. Chiến tranh → ĐKBH WR
2. Đình công → ĐKBH SRCC

- *Rủi ro loại trừ (tuyệt đối)*

Rủi ro loại trừ tuyệt đối

→ Trong mọi tr- ờng hợp không bảo hiểm cho:

1/ Lỗi cố ý của ng- ời đ- ợc bảo hiểm

2/ Rò rỉ hay hao hụt thông th- ờng về trọng l- ợng, khối l- ợng, hao mòn tự nhiên của hàng

3/ Bao bì không đầy đủ hoặc không thích hợp

4/ Nội tỳ, ẩn tỳ của hàng hoá

5/ Xếp hàng quá tải hoặc sai quy cách

Rủi ro loại trừ tuyệt đối

6/ Mất khả năng tự chủ về tài chính của chủ tàu

7/ Thiệt hại do chậm trễ ngay cả khi chậm trễ là do RRĐBH gây ra

8/ Nhiễm phóng xạ, phản ứng hạt nhân, năng lượng nguyên tử

9/ Tàu hoặc xà lan không đủ khả năng đi biển hay tình trạng không thích hợp của các phương tiện vận tải trong chuyến chở

b. Không gian và thời gian trách nhiệm

- Điều khoản hành trình (transit clause):
 - Trách nhiệm của người bảo hiểm bắt đầu kể từ khi hàng hoá rời kho hoặc nơi chứa hàng tại địa điểm ghi trên HĐBH, có hiệu lực trong suốt quá trình vận chuyển bình thường và trách nhiệm đó kết thúc khi hàng hoá giao vào kho đến hoặc hết 60 ngày kể từ khi hàng hoá dỡ ra khỏi tàu tại cảng đến, tùy trường hợp nào xảy ra trước
- Giải thích điều khoản hành trình:

b. Không gian và thời gian trách nhiệm

- Không gian:

+ Kho đi: kho tại đó hàng hoá đ- ợc đóng gói hoàn chỉnh, sẵn sàng cho việc vận chuyển

+ Kho đến:

* kho của ng- ời nhận hàng quy định trong HĐBH

* kho hoặc nơi chứa hàng tr- ớc khi tới nơi đến hoặc ở nơi đến mà ng- ời đ- ợc BH lựa chọn để:

→ l- u kho ngoài HTVC bình th- ờng

→ phân phối hàng hoá

b. Không gian và thời gian trách nhiệm

- Thời gian:

+ Bắt đầu:

+ Kết thúc:

* hàng đ- ợc đ- a vào kho đến

* hết 60 ngày kể từ ngày hàng đ- ợc dỡ ra
khỏi tàu tại cảng đích

→ Điều khoản “.....”

3.2. TN của ng- ời BH theo 2 ĐKBHĐB (SGK)

a. ĐKBH chiến tranh – WR

- **Rủi ro, tổn thất đ- ợc bảo hiểm**
- **Không gian và thời gian trách nhiệm**

b. ĐKBH đình công – SRCC

- **Rủi ro, tổn thất đ- ợc bảo hiểm**
- **Không gian và thời gian trách nhiệm**

a. □KBH CHI□N TRANH — WR

- Rủi ro, tổn thất đ- ợc bảo hiểm
 - 1/ Chiến tranh, nội chiến, cách mạng, khởi nghĩa, nổi loạn, xung đột dân sự phát sinh từ những biến cố đó hay bất cứ hành động thù địch nào
 - 2/ Bị chiếm đoạt, tịch thu, bắt giữ, kiểm chế
 - 3/ Vũ khí chiến tranh còn sót lại
 - 4/ Đóng góp tổn thất chung

a. □KBH CHI□N TRANH — WR

- Không gian và thời gian trách nhiệm:
 - Không gian:
 - Thời gian:
 - + Bắt đầu:
 - + Kết thúc:
 - * hàng đ- ọc dỡ ra khỏi tàu tại cảng đích quy định
 - * hết 15 ngày kể nửa đêm ngày tàu cập cảng đích quy định

b. □KBH □□NH C□NG — SRCC

- Rủi ro, tổn thất đ- ợc bảo hiểm
 - 1/ Đình công, cấm x- ớng, bạo động, rối loạn lao động hay nổi dậy của dân chúng
 - 2/ Khủng bố hay bất cứ ng- ời nào hành động vì mục đích chính trị
 - 3/ Tổn thất chung và chi phí cứu nạn
- Không gian và thời gian trách nhiệm:
→ Điều khoản

4. *Hợp đồng bảo hiểm*

4.1. Khái niệm

4.2. Tính chất

4.3. Các chứng từ liên quan đến HĐBH

4.4. Các loại hợp đồng bảo hiểm

4.5. Một số nội dung chủ yếu của HĐBH

4.1. Khái niệm

- Khái niệm: là VB thoả thuận giữa hai bên, trong đó bên BH cam kết sẽ bồi th- ờng cho bên đ- ọc BH những tổn thất của ĐTBH do các RRĐBH gây ra với ĐK bên đ- ọc BH đã nộp phí BH.

4.2. *Tính chất*

- Là một hợp đồng
- Là một hợp đồng.....
- Là một chứng từ.....

4.3. Các chứng từ liên quan đến HĐBH

- Giấy yêu cầu bảo hiểm:
 - không có giá trị pháp lý nh-ng là cơ sở để lập chứng từ bảo hiểm
- Chứng từ bảo hiểm: đơn BH hoặc giấy chứng nhận BH
 - Là bằng chứng của HĐBH đã đ- ợc ký kết
 - Là cơ sở pháp lý giải quyết tranh chấp phát sinh
- Văn bản sửa đổi bổ sung (Endorsement)

Đơn bảo hiểm

- Mặt tr-ớc: là các ô, cột, mục để trống để ng-ời lập đơn BH điền thông tin vào, bao gồm:
 - + Tên, địa chỉ của ng-ời BH và ng-ời đ-ợc BH
 - + Tên hàng, số l-ợng, trọng l-ợng, số vận đơn
 - + Tên tàu, ngày khởi hành
 - + Cảng đi, cảng đến, cảng chuyển tải (nếu có)
 - + ĐKBH, A, V, R, I
 - + Nơi và cơ quan giám định tổn thất
 - + Nơi và cách thức bồi th-ờng
 - + Ngày, tháng và chữ ký của ng-ời BH
- Mặt sau: in sẵn quy tắc, thể lệ, ĐKBH của công ty BH

4.4. Các loại hợp đồng bảo hiểm

- a. HĐBH chuyển
- b. HĐBH bao
- c. HĐBH định giá
- d. HĐBH không định giá

a. HĐBH chuyến (Voyage Policy)

- Là hợp đồng BH cho một chuyến hàng đ- ợc chuyên chở từ địa điểm này đến địa điểm khác quy định trên HĐBH
- Hiệu lực:
- Hình thức:

b. HĐBH bao/ mở (Cover/ Open Policy)

- Là HĐBH cho nhiều chuyến hàng trong một thời gian nhất định.
- Ưu điểm:
- Hiệu lực:
- Hình thức:

c. HDBH định giá (Valued Policy)

- Đ228.2c BLHH 2005: Đơn BH định giá là ĐBH trong đó ng-ời BH đồng ý tr-ớc giá trị của ĐTBH ghi trong ĐBH, phù hợp với giá trị đ-ợc BH và đ-ợc sử dụng khi giải quyết bồi th-ờng tổn thất toàn bộ hoặc bồi th-ờng tổn thất bộ phận

→ V:

c. HĐBH định giá (Valued Policy)

- Đ228.2d BLHH 2005: Đơn BH không định giá là ĐBH không ghi giá trị của ĐTBH nh- ng số tiền bảo hiểm phải đ- ợc ghi rõ trong ĐBH

4.5. Một số nội dung chủ yếu của HĐBH

- a. Ng- ời đ- ọc bảo hiểm
- b. Đối t- ợng bảo hiểm
- c. Trị giá bảo hiểm
- d. Số tiền bảo hiểm
- e. Phí bảo hiểm

a. Ng- ời đ- ọc bảo hiểm

- Ng- ời XK:
- Ng- ời NK:

Căn cứ để mua BH đúng cho hàng hoá

- + Đặc điểm, tính chất của hàng hoá
- + Cách thức đóng gói và loại bao bì
- + Cách thức xếp hàng
- + Phương tiện vận chuyển
- + Hành trình chuyên chở
- + Tình trạng của cảng xếp dỡ

b. Đối tượng bảo hiểm

- Hàng hoá XNK chuyên chở bằng đường biển
- Lãi dự tính (nếu có yêu cầu): là một tỷ lệ phần trăm nhất định của giá CIF.

c. Trị giá bảo hiểm - V

- Đ232 BLHH 2005: Giá trị BH của hàng hoá là giá trị hàng hoá ghi trên hoá đơn ở nơi bốc hàng hoặc giá thị trường ở nơi và thời điểm hàng cộng với phí BH, tiền cước vận chuyển và có thể cả tiền lãi - ớc tính

d. Số tiền bảo hiểm - A

- Nguyên tắc: $A \leq V$
 - $A < V$
 - $A = V$
 - $A > V$
 - Bảo hiểm trùng (Đ234): là trường hợp một ĐTBH được BH theo hai hay nhiều công ty BH cho cùng một rủi ro hàng hải mà tổng số tiền BH của tất cả các đơn BH đó lại vượt quá trị giá BH
- bồi thường theo nguyên tắc.....

e. Phí bảo hiểm - I

- Công thức:
- Nộp phí BH (DD240 BLHH 2005): nộp ngay sau khi đ- ợc cấp ĐBH hoặc GCNBH

f. Tỷ lệ phí bảo hiểm - R

- R: tỷ lệ phí bảo hiểm
- R phụ thuộc vào các yếu tố sau:
 - đặc điểm, tính chất của hàng hoá
 - cách đóng gói, bao bì
 - phương tiện vận chuyển (tàu già → đóng thêm phụ phí tàu già)
 - hành trình vận chuyển
 - điều kiện bảo hiểm

5. Giám định, khiếu nại và bồi th- ờng tổn thất

5.1. Giám định tổn thất

5.2. Khiếu nại

a. Thời hạn khiếu nại

b. Bộ hồ sơ khiếu nại

5.3. Bồi th- ờng tổn thất

a. Nguyên tắc

b. Cách tính số tiền bồi th- ờng

c. Thời hạn bồi th- ờng

5.1. Giám định tổn thất

- Trách nhiệm GĐTT:
- Mục đích:
 - Xác định dẫn đến TT
 - Xác định của TT
 - Phân định của các bên liên quan
- KQGĐTT: chứng th- GĐTT
 - BBGĐTT (Survey Report)
 - GCNGĐTT (Certificate Report)

5.2. Khiếu nại

a. Thời hạn khiếu nại

- ICC 1963/ QTC 1965: ... năm kể từ ngày xảy ra tổn thất hoặc phát hiện tổn thất
- ICC 1982/ QTC 1990: ... năm kể từ ngày xảy ra tổn thất hoặc phát hiện tổn thất
- Bộ Luật HHVN 2005 (Đ257): ... năm kể từ ngày phát sinh quyền khiếu nại
- Trong tr- ờng hợp tổn thất có liên quan đến ng- ời thứ ba có lỗi: ... tháng kể từ ngày phát sinh quyền khiếu nại

5.2. Khiếu nại

b. Bộ hồ sơ khiếu nại

- Yêu cầu về hình thức:
 - Đầy đủ:
 - + Đủ các loại chứng từ cần thiết
 - + Đủ số l- ợng các bản với mỗi loại chứng từ
 - Hợp lệ:
 - + Nội dung không mâu thuẫn
 - + Bộ HSKN phải đ- ợc gửi trong thời hạn KN
- Yêu cầu về nội dung:
 - Yêu cầu về các loại chứng từ trong bộ HSKN

Chứng từ trong bộ HSKN ng- ời bảo hiểm

1/ Đơn khiếu nại

2/ Đơn BH hoặc GCNBH

3/ Chứng từ về hàng hoá (HĐMB, HĐTM...)

4/ B/L hoặc C/P

5/ Chứng từ bảo l- u quyền KN ng- ời thứ ba

6/ Kháng nghị hàng hải/ Nhật ký hàng hải

7/ Đối với từng tr- ờng hợp cụ thể:

- Hàng đổ vỡ, h- hỏng, giảm phẩm chất:

+ Biên bản giám định tổn thất (Survey Report)

Chứng từ trong bộ HSKN ng- ời bảo hiểm

- + Biên bản dỡ hàng (COR)
- + Biên bản đổ vỡ h- hỏng do Cảng gây ra
- + Th- dự kháng (LOR) nếu nghi ngờ tổn thất
- Hàng bị thiếu nguyên bao, nguyên kiện:
 - + Bản kết toán nhận hàng với tàu (ROROC)
 - + Giấy chứng nhận hàng thiếu
 - + Kết toán lại (nếu có)
- TTC:
 - + Tuyên bố tổn thất chung
 - + Bản tính toán phân bổ tổn thất chung
 - + 2 văn bản cam đoan đóng góp tổn thất chung

5.3. Bồi th- ờng tổn thất

a. Nguyên tắc

b. Cách tính số tiền bồi th- ờng

c. Thời hạn bồi th- ờng

a. Nguyên tắc

- Bồi th- ờng
- Giới hạn trách nhiệm của ng- ời BH: $STBT \leq A$
 - Ng- ời BH vẫn phải chịu TN đối với số tổn thất cộng với các chi phí hợp lý cho dù tổng số tiền bồi th- ờng có thể v- ượt quá A.
 - Các chi phí hợp lý bao gồm:

a. Nguyên tắc

- Tr-ớc khi bồi th-ờng, ng-ời BH đ-ợc phép các khoản tiền mà ng-ời đ-ợc bảo hiểm đã đòi đ-ợc từ ng-ời thứ ba có TN đối với TT
- Sau khi bồi th-ờng, ng-ời BH đ-ợc phép ng-ời đ-ợc BH đi đòi ng-ời thứ ba phần TT thuộc TN của ng-ời đó

b. Cách tính số tiền bồi th- ờng

- Tổn thất riêng:
 - Tổn thất toàn bộ:
 - + TTTBTT:
 - + TTTBUT:
 - * Có từ bỏ hàng và đ- ợc chấp nhận:
 - * Không từ bỏ hàng hoặc từ bỏ không đ- ợc chấp nhận:

b. Cách tính số tiền bồi th- ờng

- Tổn thất riêng:
 - Tổn thất bộ phận:

$$+ A = V \rightarrow (1)$$

$$+ A < V \rightarrow (2)$$

b. Cách tính số tiền bồi th- ờng

- Tổn thất chung:

c. Thời hạn bồi th- ờng

→ ... ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bộ HSKN
đầy đủ và hợp lệ